

KẾT QUẢ THI CHUẨN ĐẦU RA NGOẠI NGỮ
KỲ THI NGÀY 16/03/2025

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
1	422605	Nguyễn Thị Nhung	Luật Kinh tế	Anh văn	3.0	Không đạt			
2	430834	Lục Quốc Long	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
3	432060	Hà Quỳnh Như	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
4	432551	Nguyễn Thị Mai Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
5	441821	Lê Thị Thu Ngân	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
6	441841	Lê Huyền Thanh	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
7	441842	Trần Phương Linh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
8	441864	Lục Văn Lộc	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
9	442232	Phạm Thị Thanh Hiền	Luật Kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
10	443043	Lê Trần Vượng	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	4.0	Không đạt			
11	450217	Đinh Thị Hậu	Luật	Anh văn	3.5	Không đạt			
12	450418	Vũ Xuân Kỳ	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
13	450522	Trần Văn Hậu	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
14	450933	Nguyễn Doãn Doanh	Luật	Anh văn	3.5	Không đạt			
15	451034	Nguyễn Văn Nam	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
16	451350	Lang Đức Thắng	Luật	Trung văn	5.0	Đạt	3	B1	
17	451550	Lê Văn Trường	Luật	Trung văn	1.0	Không đạt			
18	451710	Nguyễn Sơn Tùng	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
19	451755	Trần Mỹ Linh	Luật	Trung văn	3.5	Không đạt			
20	452415	Đặng Nguyễn Quang Huy	Luật Kinh tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
21	453615	Hoàng Lê Mai Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
22	453802	Nguyễn Quốc Huy	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
23	453807	Đỗ Đức Anh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
24	453811	Nguyễn Thị Băng Khanh	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
25	460101	Bùi Linh	An	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
26	460105	Lê Văn	Anh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
27	460106	Nguyễn Phương	Anh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
28	460110	Trần Xuân	Bách	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
29	460113	Hoàng Ngọc Bảo	Chung	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
30	460116	Nguyễn Thị	Đào	Luật	Anh văn	4.5	Không đạt			
31	460124	Nguyễn Minh	Hiếu	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
32	460132	Vũ Khánh	Linh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
33	460135	Phí Thị Hồng	Minh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
34	460142	Hoàng Anh	Quang	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
35	460149	Nguyễn Thị Thu	Trang	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
36	460150	Nguyễn Mạnh	Trí	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
37	460157	Lê Thị	Linh	Luật	Nga văn	6.5	Đạt	3	B1	
38	460215	Phạm Hồng	Đức	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
39	460221	Nguyễn Trung	Hiếu	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
40	460228	Hoàng Khánh	Linh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
41	460231	Vũ Khánh	Linh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
42	460233	Lê Thanh	Mai	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
43	460239	Trần Huy	Phong	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
44	460248	Nguyễn Thị Thu	Trang	Luật	Nga văn	8.5	Đạt	3	B1	
45	460256	Trần Minh	Thu	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
46	460258	Nguyễn Đức	Tiến	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
47	460262	Nguyễn Thị	Uyên	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
48	460303	Lê Thị Phương	Anh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
49	460311	Đặng Thị Thúy	Đạt	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
50	460312	Phạm Minh	Đức	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
51	460315	Trần Thu	Hà	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
52	460318	Nguyễn Thu	Hằng	Luật	Nga văn	7.0	Đạt	3	B1	
53	460319	Đỗ Đức	Hiếu	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
54	460321	Vũ Huy	Hoàng	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
55	460323	Hà Thị Thanh	Huyền	Luật	Nga văn	7.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
56	460325	Phạm Thành	Hung	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
57	460329	Trương Thị Mai	Linh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
58	460332	Lưu Thị Huyền	Mai	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
59	460339	Hà Trọng	Phúc	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
60	460343	Lương Thái	Son	Luật	Anh văn	4.5	Không đạt			
61	460347	Đào Quỳnh	Trang	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
62	460349	Nguyễn Ngọc	Trọng	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
63	460356	Hoàng Thị Thu	Hoài	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
64	460404	Vũ Huyền Hoài	Anh	Luật	Anh văn		Không đạt			
65	460440	Vương Toàn	Thuận	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
66	460504	Nguyễn Thị Kim	Anh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
67	460506	Nguyễn Lương	Bằng	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
68	460510	Nguyễn Hữu	Đạt	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
69	460511	Trần Xuân	Đức	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
70	460513	Nguyễn Việt	Hà	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
71	460515	Nguyễn Xuân	Hiếu	Luật	Trung văn	6.5	Đạt	3	B1	
72	460519	Nguyễn Thị	Hồng	Luật	Nga văn	7.5	Đạt	3	B1	
73	460520	Trần Thị Thu	Hồng	Luật	Trung văn	8.5	Đạt	3	B1	
74	460522	Lê Thị Thu	Huyền	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
75	460527	Nguyễn Thùy	Linh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
76	460530	Lê Hương	Ly	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
77	460537	Trần Hồng	Phúc	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
78	460552	Nguyễn Đức	Việt	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
79	460562	Đặng Tiến	Son	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
80	460601	Vũ Hà	An	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
81	460602	Lưu Lan	Anh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
82	460603	Nguyễn Thị Vân	Anh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
83	460604	Nguyễn Trần Ngọc	Anh	Luật	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
84	460605	Vũ Mỹ Hoàng	Anh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
85	460606	Đào Thị	Bình	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
86	460607	Phạm Trần Khánh	Chi	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
87	460609	Châu Văn	Dự	Luật	Trung văn	6.0	Đạt	3	B1	
88	460611	Nguyễn Thành	Đạt	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
89	460612	Vũ Văn	Đức	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
90	460619	Đỗ Chí	Hùng	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
91	460620	Nguyễn Thị Ngọc	Khánh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
92	460621	Thái Thị Ngọc	Khánh	Luật	Trung văn	7.5	Đạt	3	B1	
93	460627	Lê Linh	Loan	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
94	460628	Lò Thị Khánh	Ly	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
95	460630	Trần Ngọc	Mai	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
96	460637	Đặng Xuân	Phong	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
97	460642	Phạm Thái	Son	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
98	460643	Nguyễn Thị Minh	Tâm	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
99	460644	Nguyễn Bắc	Thành	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
100	460649	Đinh Thùy	Trang	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
101	460650	Phạm Huyền	Trang	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
102	460659	Phạm Văn	Quân	Luật	Trung văn	6.5	Đạt	3	B1	
103	460701	Bàn Ngọc	Anh	Luật	Trung văn	6.0	Đạt	3	B1	
104	460708	Nguyễn Thị	Doanh	Luật	Trung văn	3.0	Không đạt			
105	460710	Đồng Thị Ánh	Dương	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
106	460711	Phạm Vũ Linh	Đan	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
107	460717	Thường Minh	Hiếu	Luật	Anh văn	1.0	Không đạt			
108	460724	Trịnh Thị	Liên	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
109	460727	Nguyễn Thái Thùy	Linh	Luật	Anh văn	4.5	Không đạt			
110	460732	Trần Tuấn	Minh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
111	460738	Võ Thị Hồng	Nhung	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
112	460801	Bùi Tiến	Anh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
113	460804	Vũ Quỳnh	Anh	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
114	460807	Phạm Thùy	Dung	Luật	Anh văn	4.5	Không đạt			
115	460809	Vũ Hoàng	Đạt	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
116	460814	Nguyễn Thị	Hiền	Luật	Trung văn	8.0	Đạt	3	B1	
117	460820	Linh Thị Ngọc	Lan	Luật	Anh văn		Không đạt			

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
118	460823	Phan Diêu	Linh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
119	460830	Trần Xuân	Mạnh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
120	460838	Đặng Minh	Phuong	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
121	460848	Hoắc Thị	Trang	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
122	460851	Hoàng Thị Tú	Uyên	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
123	460855	Lò Khánh	Linh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
124	460905	Trần Minh	Anh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
125	460908	Trịnh Thùy	Dung	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
126	460919	Vương Quốc	Khánh	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
127	460920	Nguyễn Anh Tuấn	Lan	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
128	460921	Lê Ngọc Phương	Linh	Luật	Trung văn	5.0	Đạt	3	B1	
129	460923	Đinh Hoàng	Long	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
130	460930	Lê Bảo	Ngọc	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
131	460931	Nguyễn Minh	Ngọc	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
132	460933	Lê Yển	Nhi	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
133	460941	Dương Thị	Thảo	Luật	Nga văn	6.5	Đạt	3	B1	
134	460946	Trần Quốc	Tình	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
135	460951	Nguyễn Tiến	Vũ	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
136	460953	Trần Việt	Anh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
137	461012	Hoàng Hải	Đăng	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
138	461027	Phạm Trần Thùy	Linh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
139	461028	Lý Xuân	Long	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
140	461033	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Luật	Trung văn	6.0	Đạt	3	B1	
141	461037	Nguyễn Quang	Phúc	Luật	Trung văn	6.5	Đạt	3	B1	
142	461059	Dương Thị	Mai	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
143	461060	Lò Thị	Nghiệp	Luật	Trung văn	5.0	Đạt	3	B1	
144	461105	Phạm Minh	Anh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
145	461109	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
146	461111	Mai Thị	Giang	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
147	461112	Nguyễn Như	Hà	Luật	Nga văn	7.5	Đạt	3	B1	
148	461121	Bùi Tuấn	Khởi	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
149	461137	Nguyễn Mạnh	Quỳnh	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
150	461146	Nguyễn Thanh	Thư	Luật	Trung văn	5.0	Đạt	3	B1	
151	461158	Lường Đức	Quân	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
152	461160	Trương Công	Thanh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
153	461204	Nguyễn Minh	ánh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
154	461209	Nguyễn Thùy	Dương	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
155	461210	Nguyễn Thị Hương	Giang	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
156	461214	Trịnh Thu	Hiền	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
157	461217	Nguyễn Thị Khánh	Huyền	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
158	461224	Trần Diệu	Linh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
159	461227	Vũ Thị Cẩm	Ly	Luật	Trung văn	9.0	Đạt	3	B1	
160	461229	Dương Thị Trà	My	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
161	461238	Nguyễn Ngọc Diễm	Quỳnh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
162	461248	Nguyễn Ngọc	Trinh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
163	461303	Lưu Thị Phương	Anh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
164	461315	Phan Thị	Hà	Luật	Trung văn	4.5	Không đạt			
165	461323	Nguyễn Ngọc	Liên	Luật	Nga văn	7.0	Đạt	3	B1	
166	461324	Ngô Khánh	Linh	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
167	461334	Trịnh Thị Yến	Nhi	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
168	461336	Nguyễn Thu	Phương	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
169	461339	Trần Thị Minh	Tâm	Luật	Anh văn	4.5	Không đạt			
170	461341	Nguyễn Phương	Thảo	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
171	461345	Đinh Thị Thu	Trang	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
172	461359	La Thị	Tuyết	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
173	461416	Phan Thị Thu	Hà	Luật	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
174	461417	Đỗ Thị	Hào	Luật	Anh văn	4.5	Không đạt			
175	461421	Nguyễn Quang	Huy	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
176	461422	Phan Ngọc Khánh	Huyền	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
177	461424	Vũ Thị Minh	Huyền	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
178	461428	Trần Thị	Liên	Luật	Nga văn	7.5	Đạt	3	B1	
179	461429	Nguyễn Hà Cẩm	Linh	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
180	461430	Trịnh Diệu	Linh	Luật	Anh văn	3.5	Không đạt			
181	461433	Đào Nguyễn Phương	Mai	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
182	461444	Phạm Thị Kim	Thoa	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
183	461446	Bùi Thu	Trang	Luật	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
184	461449	Trịnh Doãn	Tùng	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
185	461450	Lê Nam Quốc	Việt	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
186	461454	Trần Thùy	Linh	Luật	Trung văn	8.5	Đạt	3	B1	
187	461462	Nguyễn Huyền	Trang	Luật	Trung văn	6.5	Đạt	3	B1	
188	461508	Lê Thị Hồng	Duyên	Luật	Anh văn	3.5	Không đạt			
189	461509	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
190	461515	Hoàng Thu	Hà	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
191	461523	Vi Trung	Kiên	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
192	461531	Lê Thiện Thanh	Nga	Luật	Trung văn	7.5	Đạt	3	B1	
193	461535	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Luật	Trung văn	9.0	Đạt	3	B1	
194	461538	Tổng Như	Quỳnh	Luật	Trung văn	5.0	Đạt	3	B1	
195	461539	Nguyễn Khánh	Son	Luật	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
196	461550	Đan Hoàng	Tùng	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
197	461601	Đoàn Nguyễn Ngọc	Anh	Luật	Anh văn		Không đạt			VPQC
198	461603	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	Luật	Anh văn		Không đạt			VPQC
199	461610	Phạm Tuấn	Đạt	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
200	461621	Phạm Đức	Huy	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
201	461622	Giang Lý	Huỳnh	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
202	461634	Nguyễn Trung	Nghĩa	Luật	Anh văn	3.0	Không đạt			
203	461637	Hoàng Tuyết	Nhung	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
204	461638	Phan Nguyễn Thu	Oanh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
205	461641	Trần Thị Diễm	Quỳnh	Luật	Trung văn	8.0	Đạt	3	B1	
206	461642	Đỗ Quang	Thái	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
207	461650	Nguyễn Thị	Vân	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
208	461653	Sâm Mỹ	Hạnh	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
209	461660	Nguyễn Minh	Thư	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
210	461661	Đinh Đức	Tuấn	Luật	Anh văn	2.5	Không đạt			

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
211	461701	Nguyễn Mạnh Huy	An	Luật Kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
212	461702	Thái Ngọc	An	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
213	461705	Ngô Thị Minh	ánh	Luật Kinh tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
214	461707	Nguyễn Thị Lan	Anh	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
215	461709	Trần Mai	Anh	Luật Kinh tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
216	461714	Mạc Văn	Dũng	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
217	461717	Phạm Bảo	Đức	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
218	461720	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
219	461721	Tăng Thị Thục	Hiền	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
220	461725	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
221	461732	Lê Vũ Khánh	Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
222	461734	Phùng Thị Diệu	Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
223	461737	Vũ Thị	Nga	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
224	461742	Nguyễn Thu	Phương	Luật Kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
225	461744	Phạm Thị Như	Quỳnh	Luật Kinh tế	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
226	461746	Nguyễn Văn	Tâm	Luật Kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
227	461748	Vũ Lê Hiền	Thảo	Luật Kinh tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
228	461749	Quách Thị Hà	Thủy	Luật Kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
229	461752	Lý Thị Thu	Trang	Luật Kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
230	461754	Nguyễn Thị Thanh	Trà	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
231	461755	Bùi Văn	Tuấn	Luật Kinh tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
232	461757	Hoàng Thanh	Tùng	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
233	461758	Nguyễn Khánh	Vân	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
234	461760	Lê Minh	Anh	Luật Kinh tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
235	461761	Phan Thị Kim	Chi	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
236	461802	Nguyễn Minh	Anh	Luật Kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
237	461808	Nguyễn Hoàng	Danh	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
238	461823	Bùi Linh	Huệ	Luật Kinh tế	Anh văn	3.0	Không đạt			
239	461824	Nguyễn Khánh	Huyền	Luật Kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
240	461828	Hoàng Diệu	Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
241	461830	Nguyễn Hoàng Ngọc	Mai	Luật Kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
242	461832	Lê Nguyễn Diễm	My	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
243	461835	Vì Thị Kim	Ngân	Luật Kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
244	461836	Nguyễn Thị	Ngọc	Luật Kinh tế	Trung văn	8.5	Đạt	3	B1	
245	461838	Phạm Thị Hồng	Nhung	Luật Kinh tế	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
246	461839	Đinh Lưu	Như	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
247	461850	Trần Nguyễn Thuỷ	Tiên	Luật Kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
248	461851	Nguyễn Hà	Trang	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
249	461859	Nguyễn Kiều	Chinh	Luật Kinh tế	Trung văn	6.0	Đạt	3	B1	
250	461860	Bùi Văn	Cường	Luật Kinh tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
251	461907	Phạm Gia	Bình	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
252	461908	Vũ Thảo	Chi	Luật Kinh tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
253	461911	Nguyễn Bạch	Dương	Luật Kinh tế	Trung văn	5.5	Đạt	3	B1	
254	461912	Bùi Thị Minh	Đan	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
255	461913	Vũ Thị Linh	Đan	Luật Kinh tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
256	461914	Lý Thị Khánh	Đoan	Luật Kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
257	461917	Đinh Thị Thu	Hà	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
258	461919	Vũ Thị Mỹ	Hảo	Luật Kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
259	461920	Lý Thị	Hạnh	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
260	461921	Ngô Ngọc	Hân	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
261	461922	Lê Minh	Hiếu	Luật Kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
262	461924	Đàm Thanh	Hoa	Luật Kinh tế	Trung văn	7.5	Đạt	3	B1	
263	461925	Lã Thanh	Hoà	Luật Kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
264	461926	Trần Thị	Hòa	Luật Kinh tế	Trung văn	5.5	Đạt	3	B1	
265	461927	Bùi Đoàn Phi	Hồng	Luật Kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
266	461930	Nguyễn Thu	Hương	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
267	461931	Linh Thị	Kín	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
268	461932	Vũ Hoàng	Lâm	Luật Kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
269	461934	Thang Thị Vy	Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
270	461935	Tạ Thị Xuân	Mai	Luật Kinh tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
271	461937	Đặng Thanh	Ngân	Luật Kinh tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
272	461939	Dương Ngọc	Phương	Luật Kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
273	461944	Nguyễn Phương	Thảo	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
274	461947	Hoàng Thị Thu	Thùy	Luật Kinh tế	Trung văn	9.0	Đạt	3	B1	
275	461948	Hà Anh	Thủy	Luật Kinh tế	Trung văn	9.0	Đạt	3	B1	
276	461950	Hoàng Văn	Tiến	Luật Kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
277	461955	Vũ Cẩm	Tú	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
278	461956	Toàn Thanh	Tùng	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
279	461961	Phạm Trần Diệu	Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
280	462009	Hoàng Thị	Chung	Luật Kinh tế	Trung văn	7.0	Đạt	3	B1	
281	462020	Đàm Quang	Huy	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
282	462021	Hoàng Thị	Huyền	Luật Kinh tế	Trung văn	8.0	Đạt	3	B1	
283	462024	Cao Quốc	Khánh	Luật Kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
284	462025	Bùi Trung	Kiên	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
285	462030	Trần Gia	Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
286	462032	Hoàng Thu	Mến	Luật Kinh tế	Trung văn	5.5	Đạt	3	B1	
287	462033	Chữ Hoàng	Nam	Luật Kinh tế	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
288	462034	Lê Thị	Ngân	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
289	462036	Phan Thị Yến	Nhi	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
290	462040	Chu Thúy	Quỳnh	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
291	462041	Nguyễn Như	Quỳnh	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
292	462043	Vũ Thị	Quỳnh	Luật Kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
293	462044	Nguyễn Phúc	Thành	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
294	462048	Bùi Thị Hoài	Thương	Luật Kinh tế	Trung văn	4.0	Không đạt			
295	462053	Đậu Thị Ngọc	Trâm	Luật Kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
296	462103	Nguyễn Đức	Anh	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
297	462106	Đỗ Kim	Chi	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
298	462107	Trần Thị	Chuyên	Luật Kinh tế	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
299	462108	Nguyễn Thị Thùy	Dung	Luật Kinh tế	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
300	462110	Trần Thùy	Dương	Luật Kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
301	462116	Bùi Thanh	Hiền	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
302	462117	Bùi Thị Thanh	Hoa	Luật Kinh tế	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
303	462127	Đỗ Thùy	Linh	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
304	462135	Mã Kiều	Ngân	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
305	462146	Phạm Thị	Thảo	Luật Kinh tế	Trung văn	6.0	Đạt	3	B1	
306	462153	Nguyễn Thanh	Trúc	Luật Kinh tế	Trung văn	5.0	Đạt	3	B1	
307	462154	Nguyễn Trọng Nam	Trường	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
308	462157	Phạm Thành	Vinh	Luật Kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
309	462158	Vương Thị Hồng	Yến	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
310	462159	Bùi Thị Minh	An	Luật Kinh tế	Anh văn	4.0	Không đạt			
311	462202	Lê Thị Ngọc	ánh	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
312	462203	Nguyễn Việt	Anh	Luật Kinh tế	Anh văn	4.0	Không đạt			
313	462213	Nguyễn Thị Việt	Hồng	Luật Kinh tế	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
314	462220	Cao Thị Trà	My	Luật Kinh tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
315	462221	Đinh Nguyễn Uyên	My	Luật Kinh tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
316	462223	Trần Thị Nguyệt	Nga	Luật Kinh tế	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
317	462226	Hoàng Thị Thảo	Nguyên	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
318	462230	Nguyễn Trang	Nhung	Luật Kinh tế	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
319	462232	Phan Tuấn	Phong	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
320	462233	Lê Lan	Phương	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
321	462239	Vàng Thanh	Thảo	Luật Kinh tế	Trung văn	9.0	Đạt	3	B1	
322	462240	Vũ Thị	Thoa	Luật	Anh văn		Không đạt			VPQC
323	462244	Trần Thị Hoài	Thương	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
324	462246	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
325	462248	Hoàng Thanh	Trà	Luật Kinh tế	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
326	462254	Phạm Thanh	Tùng	Luật Kinh tế	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
327	462255	Trương Phương	Uyên	Luật Kinh tế	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
328	462259	Quảng Thu	Huyền	Luật Kinh tế	Nga văn	8.0	Đạt	3	B1	
329	462301	Hồ Trịnh Phụng	An	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
330	462302	Vũ Thu	An	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	5.5	Đạt	4	B2	
331	462305	Nguyễn Hoàng	Anh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
332	462310	Nguyễn Thị Ngọc	Bảo	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
333	462320	Nguyễn Vinh	Hiền	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
334	462324	Lại Việt	Hòa	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
335	462328	Nguyễn Tuyết	Lê	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn		Không đạt			
336	462336	Nguyễn Tuấn	Minh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
337	462343	Nguyễn Như Thái	Phong	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
338	462345	Vũ Minh	Tâm	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
339	462350	Phạm Thùy	Trang	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
340	462351	Vũ Quỳnh	Trâm	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
341	462352	Nguyễn Thị ánh	Tuyết	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	4.5	Không đạt			
342	462353	Nguyễn Thị Hải	Yến	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
343	462355	Lê Minh	Huyền	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	5.0	Đạt	4	B2	
344	462401	Trần Hữu Phúc	An	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
345	462402	Đỗ Ngọc Nam	Anh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
346	462405	Nguyễn Hương	Anh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	5.5	Đạt	4	B2	
347	462412	Phạm Quỳnh	Chi	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	5.5	Đạt	4	B2	
348	462413	Đoàn Hoàng	Diệp	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
349	462414	Nguyễn An	Dung	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
350	462415	Lương Nhật	Đức	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
351	462416	Lê Phương	Giang	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
352	462417	Nguyễn Ngọc Hương	Giang	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
353	462419	Nguyễn Khánh	Hiền	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
354	462420	Nguyễn Thu	Hiền	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
355	462421	Phùng Thu	Hiền	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
356	462424	Trần Mạnh	Huy	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	4.0	Không đạt			
357	462425	Vũ Minh	Huyền	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
358	462429	Bùi Trần Khánh	Linh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
359	462431	Nguyễn Khánh	Linh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	5.5	Đạt	4	B2	
360	462433	Phạm Khánh	Linh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
361	462436	Đặng Nhật	Minh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
362	462442	Nguyễn Thái	Ngọc	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
363	462443	Phan Thảo	Nguyên	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
364	462446	Trần Thị Trúc	Quỳnh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
365	462449	Phạm Mai	Thi	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
366	462451	Nguyễn Thị Hà	Trang	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
367	462455	Lê Quý	Vương	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
368	462456	Tăng Vũ Hoàng	Minh	Luật Thương mại quốc tế	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
369	462502	Dương Thị Ngọc	Ánh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
370	462504	Nguyễn Lê Lan	Anh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
371	462505	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.5	Đạt	5	C1	
372	462510	Đặng Trần Kim	Chi	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
373	462512	Lê Tùng	Chi	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
374	462513	Trần Yên	Chi	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
375	462517	Đoàn Linh	Hà	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
376	462518	Trần Nhật	Hào	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.5	Đạt	5	C1	
377	462524	Nguyễn Thu	Hương	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
378	462525	Nguyễn Diệu	Khánh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
379	462527	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	4.5	Không đạt			
380	462529	Nguyễn Thị	Lộc	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	4.0	Không đạt			
381	462531	Đào Trúc	Mai	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
382	462532	Lương Thị	Mai	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
383	462533	Hoàng Nhật	Minh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
384	462534	Nguyễn Đoàn Phương	Minh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
385	462536	Nguyễn Thị Trà	My	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.5	Đạt	5	C1	
386	462538	Trần Thị Kim	Ngân	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
387	462539	Nguyễn Vân	Nhi	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
388	462541	Nguyễn Đắc	Phát	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	5.0	Đạt	5	C1	
389	462542	Trần Đình	Quang	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
390	462544	Lê Thị Phương	Thanh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
391	462547	Hoàng Thu	Thảo	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	4.0	Không đạt			
392	462548	Nguyễn Trịnh Ngọc	Thảo	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
393	462554	Bùi Mai	Uyên	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	8.0	Đạt	5	C1	
394	462555	Nguyễn Mạnh Tường	Vi	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
395	462556	Nguyễn Hoàng	Yến	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	4.0	Không đạt			
396	462557	Nguyễn Trí	Cao	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.5	Đạt	5	C1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
397	462564	Tiêu Hà	Thu	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.5	Đạt	5	C1	
398	462565	Nguyễn Bình	Yên	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	5.0	Đạt	5	C1	
399	462566	Nguyễn Xuân	Hương	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
400	462601	Đoàn Ngọc	Anh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	5.0	Đạt	5	C1	
401	462609	Trần Đoàn Khánh	Băng	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
402	462610	Nguyễn Minh	Châu	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.5	Đạt	5	C1	
403	462615	Bùi Thị Xuân	Đan	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
404	462616	Đỗ Phan Hà	Giang	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	5.0	Đạt	5	C1	
405	462619	Đinh Quang	Hiếu	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
406	462621	Bùi Thu	Hoài	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	5.0	Đạt	5	C1	
407	462632	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	4.5	Không đạt			
408	462634	Vũ Thanh	Nhàn	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
409	462637	Nguyễn Lâm	Phương	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	5.5	Đạt	5	C1	
410	462639	Trần Khánh	Phương	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
411	462640	Lê Thị Như	Quỳnh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
412	462641	Vũ Thị	Tâm	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	5.5	Đạt	5	C1	
413	462642	Nguyễn Mai	Thanh	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
414	462644	Đỗ Thị Phương	Thảo	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
415	462645	Nguyễn Thị Phương	Thảo	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	5.5	Đạt	5	C1	
416	462658	Nguyễn Yên	Chi	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
417	462659	Hà Thị Thanh	Hằng	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	6.0	Đạt	5	C1	
418	462660	Nguyễn Thị Thanh	Lan	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
419	462663	Nguyễn Hữu	Nam	Ngôn ngữ Anh	Anh văn	7.0	Đạt	5	C1	
420	462705	Chu Việt	Bách	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
421	462713	Nguyễn Huy	Hoàng	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	
422	462715	Nguyễn Thanh Minh	Huyền	Luật chất lượng cao	Anh văn	9.0	Đạt	4	B2	
423	462722	Trần Khánh	Linh	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
424	462733	Trần Lan	Phương	Luật chất lượng cao	Anh văn	9.0	Đạt	4	B2	
425	462734	Vũ Hạnh	Quyên	Luật chất lượng cao	Anh văn	9.0	Đạt	4	B2	
426	462737	Nguyễn Vi Thanh	Thảo	Luật chất lượng cao	Anh văn	4.0	Không đạt			
427	462801	Đỗ Diệu Minh	An	Luật chất lượng cao	Anh văn	5.5	Đạt	4	B2	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
428	462802	Đặng Phương	Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
429	462803	Phạm Đức	Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
430	462806	Đinh Khánh	Chi	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	
431	462807	Phạm Huyền	Diệu	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
432	462808	Hoàng Thị Thùy	Dương	Luật chất lượng cao	Anh văn	3.5	Không đạt			
433	462812	Ngô Minh	Hằng	Luật chất lượng cao	Anh văn	5.0	Đạt	4	B2	
434	462814	Hà Khánh	Huyền	Luật chất lượng cao	Anh văn	4.0	Không đạt			
435	462815	Đoàn Ngọc	Khánh	Luật chất lượng cao	Anh văn	5.5	Đạt	4	B2	
436	462816	Nguyễn Lâm	Khoa	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	
437	462817	Dương Khánh	Linh	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	
438	462818	Đinh Khánh	Linh	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	
439	462819	Đinh Thảo	Linh	Luật chất lượng cao	Anh văn	5.0	Đạt	4	B2	
440	462820	Nguyễn Đặng Phương	Linh	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
441	462825	Đinh Hồng	Minh	Luật chất lượng cao	Anh văn	9.0	Đạt	4	B2	
442	462829	Trương Thị Thảo	My	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
443	462906	Phạm Tuấn	Duy	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
444	462909	Nguyễn Hương	Giang	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
445	462911	Đỗ Minh	Hạnh	Luật chất lượng cao	Anh văn	5.5	Đạt	4	B2	
446	462912	Nguyễn Quỳnh	Hoa	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	
447	462920	Nguyễn Quỳnh Hương	Ly	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
448	462921	Trần Ngọc	Mai	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
449	462923	Trần Hoàng	Minh	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
450	462926	Nguyễn Linh	Ngọc	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
451	462928	Đỗ Thế	Phương	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	
452	462930	Trần Thế	Phương	Luật chất lượng cao	Anh văn	9.0	Đạt	4	B2	
453	462935	Đặng Văn	Thủy	Luật chất lượng cao	Anh văn	5.5	Đạt	4	B2	
454	462936	Lưu Thị Kim	Trang	Luật chất lượng cao	Anh văn	4.0	Không đạt			
455	462940	Bùi Ngọc	Vy	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
456	462941	Cao Ngọc Yến	Chi	Luật chất lượng cao	Anh văn	4.5	Không đạt			
457	463003	Hồ Vũ Quỳnh	Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	5.0	Đạt	4	B2	
458	463005	Vũ Lan	Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	5.0	Đạt	4	B2	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
459	463007	Hoàng Yến	Chi	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	
460	463009	Trần Hữu	Đại	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
461	463017	Đàm Khánh	Linh	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
462	463025	Võ Ngọc	Minh	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
463	463026	Đoàn Thu	Nga	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
464	463036	Đoàn Thanh	Thúy	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
465	463039	Nguyễn Thị Kim	Vân	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
466	463040	Hoàng Hà	Vy	Luật chất lượng cao	Anh văn	4.5	Không đạt			
467	463041	Trần Châu	Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	5.0	Đạt	4	B2	
468	463101	Lê Hải	Anh	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
469	463102	Lê Nhật	ánh	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
470	463106	Nguyễn Thùy	Chi	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.5	Đạt	4	B2	
471	463109	Vũ Minh	Đạt	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.0	Đạt	4	B2	
472	463111	Vũ Minh	Hiếu	Luật chất lượng cao	Anh văn	0.0	Không đạt			
473	463112	Vũ Mai	Hương	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.5	Đạt	4	B2	
474	463115	Đàm Lê Thuý	Linh	Luật chất lượng cao	Anh văn	5.0	Đạt	4	B2	
475	463117	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Luật chất lượng cao	Anh văn	8.5	Đạt	4	B2	
476	463118	Vũ Ngọc	Linh	Luật chất lượng cao	Anh văn	6.0	Đạt	4	B2	
477	463131	Mai Thị Phương	Thanh	Luật chất lượng cao	Anh văn	5.5	Đạt	4	B2	
478	463132	Nguyễn Nhật	Thành	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
479	463133	Lê Kim Phương	Thảo	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
480	463136	Vũ Thị	Thương	Luật	Trung văn	8.5	Đạt	3	B1	
481	463140	Trần Thị	Uyên	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
482	463202	Nguyễn Phương	Ánh	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
483	463230	Đoàn Trang	Nhung	Luật chất lượng cao	Anh văn	7.0	Đạt	4	B2	
484	463235	Phạm Thủy	Tiên	Luật chất lượng cao	Anh văn	9.0	Đạt	4	B2	
485	463406	Nguyễn Bùi Hoàng	Anh	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
486	463412	Nguyễn Thùy	Chi	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
487	463413	Trần Ngọc	Chung	Luật	Anh văn	2.0	Không đạt			
488	463417	Phạm Thị Thùy	Dương	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
489	463423	Nguyễn Ngọc	Hà	Luật	Anh văn	3.0	Không đạt			

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
490	463427	Bùi Anh	Hoàn	Luật	Anh văn	3.0	Không đạt			
491	463428	Lê Thái	Hoàng	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
492	463433	Lê Minh	Hùng	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
493	463438	Phan Thùy	Linh	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
494	463442	Nguyễn Ngọc	Mai	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
495	463445	Bùi Hoàng	Nam	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
496	463446	Dương Nguyên Hải	Nam	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
497	463454	Nguyễn Minh	Quang	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
498	463456	Trần Minh	Sang	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
499	463464	Nguyễn Văn	Tình	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
500	463465	Ngô Thùy	Trang	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
501	463469	Ông Nguyễn Thị Anh	Tuyền	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
502	463475	Dương Vân	Anh	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
503	463478	Lê Hoàng Gia	Bảo	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
504	463497	Lê Linh	Trang	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
505	463498	Nguyễn Đức	Việt	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
506	463502	Đỗ Thị Minh	Anh	Luật	Anh văn	4.0	Không đạt			
507	463503	Lê Thị Huệ	Anh	Luật	Anh văn	4.5	Không đạt			
508	463510	Nguyễn Đan	Chi	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
509	4635101	Trần Hoàng	Anh	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
510	463514	Nguyễn Trần	Dũng	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
511	463517	Trần Hoàng	Dương	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
512	463523	Lê Thị Thu	Hằng	Luật	Anh văn	6.5	Đạt	3	B1	
513	463524	Nguyễn Đức	Hiếu	Luật	Anh văn		Không đạt			VPQC
514	463525	Vũ Minh	Hiển	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
515	463526	Nguyễn Quang	Hoàn	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
516	463528	Đặng Đức	Huy	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
517	463533	H - Năm - Niê -	Kdăm	Luật	Anh văn	6.0	Đạt	3	B1	
518	463541	Trần Đức	Lương	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	
519	463545	Vũ Đình	Mão	Luật	Anh văn	5.0	Đạt	3	B1	
520	463549	Nguyễn Hiền Yến	Nhi	Luật	Anh văn	5.5	Đạt	3	B1	

TT	Mã sinh viên	Họ và tên		Ngành	Ngoại ngữ	Điểm thi	Kết quả	Bậc	Cấp độ	Ghi chú
521	463550	Trương An	Ninh	Luật	Anh văn	7.5	Đạt	3	B1	
522	463553	Huy`nh Ngo?c Minh	Quang	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
523	463557	Đặng Minh	Tâm	Luật	Anh văn	8.0	Đạt	3	B1	
524	463569	Nguyễn Thị Nhã	Uyên	Luật	Anh văn		Không đạt			
525	463576	Đào Phương	Anh	Luật	Anh văn	8.5	Đạt	3	B1	
526	463579	Đỗ Thanh	Hà	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	
527	463580	Bùi Nguyễn Bảo	Hân	Luật	Anh văn	7.0	Đạt	3	B1	
528	463595	Bùi Lê Quỳnh	Trang	Luật	Anh văn	9.0	Đạt	3	B1	

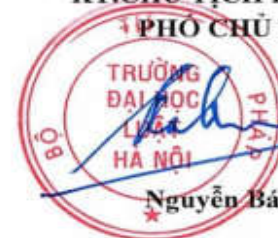
ỦY VIÊN THƯỜNG TRỰC



Nguyễn Triều Dương

KT.CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Bá Bình